TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đăng Đông và ông Đào Xuân Điển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn X - Sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Số A Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Vũ Thị Q - Sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn X trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 26/7/2004 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại xã H, huyện B, Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế của vợ chồng khó khăn, vợ chồng hay xảy ra cãi vã và vợ chồng kết hôn nhiều năm nhưng không có con dẫn đến cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Do mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân từ năm 2010 đến nay, anh đã chuyển đến thành phố H làm ăn, sinh sống còn chị Q sinh sống tại xã H. Sau khi vợ chồng ly thân, hai bên không liên lạc với nhau và không còn quan tâm gì đến nhau. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích kết hôn không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc cá nhân nên anh X đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai, chị Vũ Thị Q1 là bị đơn trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của anh X như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn X được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H vào ngày 26/7/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh X ở thôn L, xã H, huyện B. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh X chơi bời dẫn đến vợ chồng bất hòa và hay xảy ra cãi cọ nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn L, xã H sinh sống. Từ khi hai vợ chồng ly thân cho đến nay, hai bên không còn liên lạc và không quan tâm gì đến nhau. Đến nay anh X làm đơn xin ly hôn, chị xác định cũng không còn tình cảm vợ chồng từ lâu và cũng nhất trí ly hôn với anh X.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Theo trưởng thôn Lô I, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương cung cấp: Anh Nguyễn Văn X và chị Vũ Thị Q là vợ chồng và trước đây từng có thời gian

chung sống với nhau tại thôn L. Trong quá trình chung sống địa phương có nắm bắt được vợ chồng anh X, chị Q có mâu thuẫn do hiện nay hai vợ chồng đã ly thân, không còn tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng anh X, chị Q không đề nghị thôn tiến hành hòa giải nên mâu thuẫn cụ thể của hai vợ chồng như thế nào địa phương không nắm bắt được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn X và bị đơn chị Vũ Thị Q đều vắng mặt và đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử theo các Điều từ 239 - 244, Điều 246, 247, 249 - 252, Điều 254, 260, 263 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn X.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn X được ly hôn với chị Vũ Thị Q.

+ Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn X là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn X khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị Q, không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con; phân chia tài sản chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án được xác định là "*ly hôn*". Quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị Q đang cư trú tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn X vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q cũng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự là anh X, chị Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn X và chị Vũ Thị Q đều xác định được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 26/7/2004 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. Khi đăng ký kết hôn, anh X và chị Q đều tự nguyện và đủ các điều kiện kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và theo trình bày của các đương sự, anh X và chị Q đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, một nguyên nhân nữa theo anh X trình bày là do vợ chồng kết hôn nhiều năm mà chưa có con đã dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Do mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay, anh chuyển lên thành phố H sinh sống còn chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L sinh sống, vợ chồng không liên lạc và quan tâm đến nhau. Sự việc anh X, chị Q mâu thuẫn và ly thân cũng được đại diện thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương xác nhận. Đến nay, anh X làm đơn xin ly hôn, chị Q có quan điểm đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ trên xác định anh X, chị Q có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã không còn tình nghĩa, không có biện pháp đoàn tụ do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh X, xử cho anh X ly hôn chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn X và chị Vũ Thị Q đều xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra

xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn X được ly hôn chị Vũ Thị Q.

2. Về con chung: Anh X, chị Q không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh X đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0000520 ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Anh Nguyễn Văn X đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ



Nguyễn Duy Hải